

Số: 93/VSDTTU-TTĐV

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

V/v: Mời báo giá sinh phẩm

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp

Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương có kế hoạch mua sắm hàng hóa diệt côn trùng cho Trung tâm Dịch vụ Y tế dự phòng.

Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương kính mời các đơn vị có năng lực, kinh nghiệm cung cấp báo giá theo các nội dung sau:

1. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục, số lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật yêu cầu của các hàng hóa chi tiết tại bản Phụ lục 01 đính kèm.

- Địa điểm bàn giao hàng hoá: Tại Trung tâm Dịch vụ Y tế dự phòng - Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương

2. Mục đích báo giá: cơ sở lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa

3. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Trung tâm Dịch vụ Y tế dự phòng - Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, Số điện thoại: 024.39716353, email: yteduphong@gmail.com.

- Bộ phận văn thư - Phòng Hành chính Vật tư của Viện.

4. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Hồ sơ xin gửi qua đường văn thư về Viện theo thông tin sau: Trung tâm Dịch vụ Y tế dự phòng - Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương; số 1 phố Yec xanh, Hai Bà Trưng, Hà Nội; SĐT: 024.39716353

5. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày phát hành đến trước 17h00 ngày 29 tháng 05 năm 2026. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

6. Yêu cầu hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:

- Thư chào giá đã bao gồm thuế GTGT và các chi phí giao hàng tại Viện theo mẫu tại bản Phụ lục 02 đính kèm. .

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

- Hàng hóa chào phải có quy cách đóng gói phù hợp với khối lượng hàng hóa mời chào giá, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của hàng hoá.

- Hồ sơ của hàng hóa, catalogue, tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết (nếu có).

7. Yêu cầu đơn vị gửi báo giá:

- Báo giá đúng mục lục, ghi rõ các phần báo giá như trong hướng dẫn.

- Không trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể, hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền.

Phụ lục 1

NỘI DUNG CHI TIẾT HÀNG HÓA

(Kèm theo Công văn số /VSDTTU-TTĐV ngày 18/5/2026)

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đóng gói	Số lượng	Ghi chú
1	Dung dịch rửa cho máy phân tích sinh hóa - cobas Integra Cleaner	1. Mục đích sử dụng: Chất tẩy rửa là dung dịch rửa cho các đầu dò mẫu và thuốc thử và ống. 2. Thành phần: Cleaner (1000 mL) HCl 0.3 mol/L 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng	1000 ml/hộp	1	
2	Chất thử sinh hóa dùng trên máy phân tích sinh hóa - GGT-2, 200T, cobas c 111	1. Mục đích sử dụng: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng γ -glutamyltransferase trong huyết thanh, huyết tương người trên hệ thống cobas c 111. 2. Thành phần: γ -Glutamyltransferase ver.2 (2 x 100 tests) R1: TRIS: 492 mmol/L, pH 8.25; glycylglycine: 492 mmol/L; chất bảo quản; chất phụ gia SR:L- γ -glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide: 22.5 mmol/L; acetate: 10 mmol/L, pH 4.5; chất ổn định; chất bảo quản 3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng	200 tests	2	
3	Dung dịch kiểm chuẩn 1- PreciControl ClinChem Multi 1, 4x5 ml	1. Mục đích sử dụng: PreciControl ClinChem Multi 1 được sử dụng trong kiểm soát chất lượng bằng cách theo dõi độ đúng và độ chính xác cho các phương pháp định lượng quy định trong tờ giá trị. 2. Thành phần: 4 x 5 mL Control 3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng	4x5ml/hộp	1	
4	Dung dịch kiểm chuẩn 2 - PreciControl ClinChem Multi 2, 4x5 ml	1. Mục đích sử dụng: PreciControl ClinChem Multi 2 được sử dụng trong kiểm soát chất lượng bằng cách theo dõi độ đúng và độ chính xác cho các phương pháp định lượng quy định trong tờ giá trị. 2. Thành phần: 4 x 5 mL Control 3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng	4x5ml/hộp	1	
5	Chất thử sinh hóa - TG GPO-PAP 200T cobas c111	1. Mục đích sử dụng: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng triglycerides trong huyết thanh, huyết tương người trên hệ thống cobas c 111. 2. Thành phần: Triglycerides (4 x 50 tests) R1 Đệm PIPES: 50 mmol/L, pH 6.8; Mg ²⁺ : 40 mmol/L; sodium cholate: 0.20 mmol/L; ATP: ≥ 1.4 mmol/L; 4-aminophenazone: ≥ 0.13 mmol/L; 4-chlorophenol: 4.7 mmol/L; lipoprotein lipase (thông số Pseudomonas): ≥ 83 μ kat/L; glycerol kinase (Bacillus stearothermophilus): ≥ 3 μ kat/L; glycerol phosphate oxidase (E. coli): ≥ 41 μ kat/L; peroxidase (cải ngựa): ≥ 1.6 μ kat/L; chất bảo quản, chất ổn định 3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng	200 tests	2	

6	Khay phản ứng bằng nhựa- Micro Cuvette Segment	<p>1. Mục đích sử dụng: Micro Cuvette Segment được thiết kế để sử dụng như vật tư tiêu hao IVD cho máy phân tích cobas c 111.</p> <p>2. Thành phần: hộp chứa 1680 cuvette (7 bộ phận nhựa × 24)</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	168 seg x10cuvet/hộp	2	
7	Dung dịch rửa cho máy phân tích miễn dịch- ProCell Elecsys,cobas e	<p>1. Mục đích sử dụng: Dung dịch để tạo tín hiệu điện hóa trong máy phân tích miễn dịch cobas e 411.</p> <p>2. Thành phần: 6 x 380 mL dung dịch đệm Đệm phosphat 300 mmol/L, tripropylamine 180 mmol/L; chất tẩy rửa ≤ 0,1 %; chất bảo quản, pH 6,8</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ thường</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	6 x 380 ml	5	
8	Dung dịch rửa cho máy phân tích miễn dịch- CleanCell Elecsys,cobas e	<p>1. Mục đích sử dụng: Dung dịch để vệ sinh bộ phận phát hiện của máy phân tích miễn dịch cobas e 411.</p> <p>2. Thành phần: 6 x 380 mL dung dịch làm sạch cell đo lường KOH 176 mmol/L (tương ứng với pH 13,2); chất tẩy rửa ≤ 1%.</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ thường</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	6 x 380 ml	5	
9	Chất thử miễn dịch - PreciControl Anti-HBs	<p>1. Mục đích sử dụng: PreciControl Anti-HBs được sử dụng để kiểm soát chất lượng xét nghiệm miễn dịch Elecsys Anti-HBs II trên máy phân tích miễn dịch cobas e.</p> <p>2. Thành phần: PC A-HBS1: : 8 chai, mỗi chai chứa 1.3 mL huyết thanh chứng Huyết thanh người, âm tính với kháng thể kháng HBs; chất bảo quản; Khoảng nồng độ đích cho kháng thể kháng HBs: ≤ 5 IU/L PC A-HBS2: 8 chai, mỗi chai chứa 1.3 mL huyết thanh chứng Kháng thể kháng HBs (người) khoảng 100 IU/L trong huyết thanh người; chất bảo quản. Khoảng nồng độ đích cho kháng thể kháng HBs: 60-150 IU/L</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	16 x 1.3 ml/hộp	1	
10	Dung dịch kiểm chuẩn - PreciControl Rubella IgG	<p>1. Mục đích sử dụng: PreciControl Rubella IgG được sử dụng để kiểm soát chất lượng xét nghiệm miễn dịch Elecsys Rubella IgG trên máy phân tích miễn dịch cobas e.</p> <p>2. Thành phần: PC RUBIGG1: 8 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL huyết thanh. Huyết thanh người, âm tính đến dương tính thấp với kháng thể IgG kháng Rubella (khoảng 4 IU/mL); chất bảo quản. PC RUBIGG2: 8 chai, mỗi chai chứa 1,0 mL huyết thanh. Huyết thanh người, âm tính đến dương tính thấp với kháng thể IgG kháng Rubella (khoảng 4 IU/mL), chất bảo quản;</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	16 x 1 ml/hộp	1	

11	Cốc bằng nhựa để đựng mẫu dùng trên máy phân tích miễn dịch - ASSAY CUP ELECSYS2010/cobas e411	<p>1. Mục đích sử dụng: Cốc bằng nhựa để đựng mẫu dùng trên máy phân tích miễn dịch.</p> <p>2. Thành phần: Một hộp chứa 60 x 60 cốc.</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ thường</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	60 x 60 cup/hộp	2	
12	Chất thử sinh hóa - UREAL, 400T, cobas c 111	<p>1. Mục đích sử dụng: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng urea/urea nitrogen trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người trên hệ thống cobas c 111.</p> <p>2. Thành phần: Urea/BUN (4 x 100 tests) R1 : Đệm TRIS: 220 mmol/L, pH 8.6; 2-oxoglutarate: 73 mmol/L; NADH: 2.5 mmol/L; ADP: 6.5 mmol/L; urease (đậu): $\geq 300 \mu\text{kat/L}$; GLDH (gan bò): $\geq 80 \mu\text{kat/L}$; chất bảo quản</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	400 tests	1	
13	Chất thử sinh hóa - UA2, 400T, cobas c 111	<p>1. Mục đích sử dụng: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng acid uric trong huyết thanh, huyết tương, và nước tiểu người trên hệ thống cobas c 111.</p> <p>2. Thành phần: Uric Acid ver.2 (4 x 100 xét nghiệm) R1: Đệm phosphate: 0.05 mol/L, pH 7.8; TOOS: 7 mmol/L; ete polyglycol cồn béo: 4.8%; ascorbate oxidase (EC 1.10.3.3; bí ngòi): $\geq 83.5 \mu\text{kat/L}$ (25°C); chất ổn định; chất bảo quản SR: Đệm phosphate: 0.1 mol/L, pH 7.8; K-hexacyanoferrate (II): 0.3 mmol/L; 4-aminophenazone: ≥ 3 mmol/L; uricase (EC 1.7.3.3; Arthrobacter protophormiae): $\geq 83.4 \mu\text{kat/L}$ (25°C); peroxidase (POD) EC1.11.1.7; cải ngựa): $\geq 50.0 \mu\text{kat/L}$ (25°C); chất ổn định; chất bảo quản.</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	400 tests	1	
14	Chất thử sinh hóa - CHOL2, 400T, cobas c 111	<p>1. Mục đích sử dụng: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng cholesterol trong huyết thanh, huyết tương người trên hệ thống cobas c 111.</p> <p>2. Thành phần: Cholesterol Gen.2 (4 x 100 tests) R1: Đệm PIPES: 225 mmol/L, pH 6.8; Mg²⁺: 10 mmol/L; natri cholate: 0.6 mmol/L; 4-aminoantipyrine: ≥ 0.45 mmol/L; phenol: ≥ 12.6 mmol/L; fatty alcohol polyglycol ether: 3 %; CE (Pseudomonas spec.): $\geq 25 \mu\text{kat/L}$ (≥ 1.5 U/mL); CHOD (E. coli): $\geq 7.5 \mu\text{kat/L}$ (≥ 0.45 U/mL); POD (củ cải): $\geq 12.5 \mu\text{kat/L}$ (≥ 0.75 U/mL); chất ổn định; chất bảo quản</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	400 tests	1	

15	Dung dịch rửa dùng cho máy cobas c 111 - ISE Deproteinizer, cobas c 111	<p>1. Mục đích sử dụng: ISE Deproteinizer là dung dịch vệ sinh dùng cho môđun COBAS INTEGRA và cobas c 111 ISE để vệ sinh điện cực chọn lọc ion và dùng cho hệ thống cobas c để vệ sinh dòng chảy ISE.</p> <p>2. Thành phần: ISE Deproteinizer (2 × 11 mL)</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	2x11ml/hộp	5	
16	Đầu cân bằng nhựa dùng trên máy phân tích miễn dịch cobas e411 - ASSAY TIP ELECSYS 2010/cobas e411	<p>1. Mục đích sử dụng: Đầu cân bằng nhựa dùng trên máy phân tích miễn dịch.</p> <p>2. Thành phần: Một hộp chứa 30x120 tip</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ thường</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	30x120 pcs/hộp	3	
17	Giấy in - URISYS Thermo-printer paper 5 pcs	<p>1. Mục đích sử dụng: Dùng để in kết quả phân tích.</p> <p>2. Thành phần: Giấy</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ thường</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	5 pcs/hộp	2	
11	Dung dịch kiểm chuẩn - PreciControl HBsAg II	<p>1. Mục đích sử dụng: PreciControl HBsAg II được sử dụng để kiểm soát chất lượng của xét nghiệm miễn dịch Elecsys HBsAg II và Elecsys HBsAg II Auto Confirm trên máy phân tích miễn dịch cobas e.</p> <p>2. Thành phần: PC HBSAGII1: 8 chai, mỗi chai chứa 1,3 mL huyết thanh chứng. Huyết thanh người, âm tính với HBsAg; chất bảo quản. Khoảng giới hạn đích cho chỉ số ngưỡng: 0.0-0.80 PC HBSAGII2: 8 chai, mỗi chai chứa 1,3 mL huyết thanh chứng. HBsAg (người) khoảng 0.2 IU/mL trong huyết thanh người; chất bảo quản. Khoảng giới hạn đích cho chỉ số ngưỡng: 2.6-5.0</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	16 x 1.3ml /hộp	1	

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền.
 - Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
 - Không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
 - Cam kết giá trị của hàng hóa là phù hợp, không vi phạm pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
 - Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.
- Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website nihe.org.vn;
- Lưu HCVT, KHQT, TTDV.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Cao Ngọc Ánh

PHỤ LỤC 2

YÊU CẦU CHÀO GIÁ

1. Tư cách hợp lệ của Nhà cung cấp:

1.1. Nhà cung cấp là tổ chức/hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Nhà cung cấp là tổ chức: Đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam/pháp luật nước ngoài (đối với nhà cung cấp nước ngoài); Nhà cung cấp là hộ kinh doanh: Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Hạch toán tài chính độc lập (đối với nhà cung cấp là tổ chức);

c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể/chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

d) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của Pháp luật (tại Điều 6 của Luật Đấu thầu);

đ) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Pháp luật (tại khoản 3 Điều 87 của Luật đấu thầu);

e) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

g) Có tên trong danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngăn;

h) Đối với nhà thầu nước ngoài, phải liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ phần công việc nào của gói thầu.

1.2. Nhà cung cấp là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;

b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật có quy định;

c) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Pháp luật (tại khoản 3 Điều 87 của Luật đấu thầu);

d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

2. Hàng hóa được cung cấp:

(Tùy vào từng loại hàng hóa cụ thể mà có thể đưa ra các thông tin cho phù hợp)

- **Đối với hàng hóa:** Ngoài các thông tin như tại Phụ lục 1, hàng hóa được chào phải có đầy đủ thông tin về mã (code) hàng hóa, xuất xứ (hãng, nước sản xuất), hạn sử dụng (nếu có).

3. **Giá ghi trong Bản chào giá:** là giá phải bao gồm tất cả các chi phí để hoàn thành gói cung cấp theo yêu cầu (bao gồm cả VAT, phí, lệ phí,...).

4. Thời gian thực hiện:

- **Thời gian giao hàng:** ghi rõ thời gian, kể từ ngày ký hợp đồng.

- **Thời gian bảo hành, bảo trì** (đối với hàng hóa là thiết bị, tài sản, cơ sở hạ tầng): ghi rõ thời gian, kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao.

5. **Thời hạn của báo giá:** ghi rõ thời gian báo giá có hiệu lực, kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ chào giá.

6. Các thông tin khác:

6.1. Bản chào giá phải có họ tên, chữ ký và đóng dấu của Đơn vị gửi báo giá

6.2. Có thông tin đầy đủ của Đơn vị gửi báo giá (thông tin trong đăng ký kinh doanh)

- Tên pháp nhân của đơn vị
- Địa chỉ trụ sở chính và Văn phòng đại diện (nếu có)
- Số điện thoại
- Fax
- Số tài khoản, Ngân hàng
- Mã số thuế

6.3. Các yêu cầu khác (nếu có).

nadta.nihe_Dinh T... 19/05/2024.143

PHỤ LỤC 3. MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số /VSDTTU-TTĐV ngày 18 tháng 5 năm 2026)

TÊN CÔNG TY

Số:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc.

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương

Công ty. <...> có địa chỉ tại <...>. Chúng tôi xin gửi tới Quý Viện báo cáo giá các mặt hàng như sau:

STT	Tên hàng hóa (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật/Nội dung chi tiết(*)	Đóng gói, đơn vị tính	Số lượng mời chào giá	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)

Ghi chú:

- Giá báo trên đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển, giao hàng theo và toàn bộ các chi phí, lệ phí liên quan để cung cấp hàng hoá.
- Các điều khoản: Hàng hoá mới 100%, Thời gian giao hàng:, phương thức thanh toán: ...
- Hiệu lực của báo giá: trong vòng ... ngày kể từ ngày ký (ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày)
- Chúng tôi cam kết không trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể, hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền. Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Giá trị của hàng hóa là phù hợp, không vi phạm pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá. Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Hà Nội, ngày ...tháng...năm 2026

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY

(Ký tên, đóng dấu)